

Bản án số 08/2021/HC-PT

Ngày 11/01/2021.

V/v: *khieux kiện quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 149/2020/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9591/2020/QĐPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Thân Văn L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: thôn Ba G, xã Nghĩa Ph, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Quốc Đ và luật sư Đào Thị Lan A; Luật sư Đ có mặt, luật sư Lan A vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Do ông Giáp Văn Ỗ - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N là người đại diện theo ủy quyền; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Vũ Công Đ1 - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Ph, huyện Lục N - Do ông Đinh Văn Kh - chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật; có mặt.

3.2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N - Do ông Nguyễn Văn K - chức vụ: Giám đốc đại diện theo pháp luật; có mặt.

3.3. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Ba G, xã Nghĩa Ph, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018, ngày 02/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/01/2019 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Thân Văn L trình bày:*

Vào năm 1993, gia đình ông có ký hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp huyện Lục N với diện tích là 13ha. Tuy nhiên trước thời gian ký hợp đồng vào năm 1986 gia đình ông đã tự khai hoang được khoảng 01ha. Diện tích đất khai hoang này không nằm trong sổ giao rừng hết mà chỉ nằm trong sổ giao rừng 0,7ha. Sau khi nhận giao đất từ công ty Lâm nghiệp gia đình ông đã trồng cây keo và bạch đàn.

Năm 2015 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lục N thông báo họp bàn, đối thoại đối với tất các hộ dân trong diện giải tỏa để thực hiện dự án hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ tuyến số 04. Theo như mức đền bù hỗ trợ đối với các hộ dân ban đầu được đưa ra với tổng số tiền bồi thường là 5,7 tỷ đồng ông và các hộ dân nhất trí nhưng sau một thời gian UBND huyện Lục N đã điều chỉnh mức bồi thường xuống còn 643 triệu đồng thì ông và các hộ dân không nhất trí với mức bồi thường trên.

Sau khi không được sự nhất trí của các hộ dân thì UBND huyện Lục N, UBND xã Nghĩa Ph đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm, đối thoại với các hộ dân, nghe ý kiến của các hộ dân trong diện giải tỏa tại nhà văn hóa thôn Ba G, xã Nghĩa Ph nhưng các hộ dân không nhất trí với phương án đưa ra. Ông có được tham gia tất cả các buổi đối thoại trên và cũng không nhất trí.

Ngày 26/11/2018 UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 6777/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N giao khoán đối với phần diện tích của gia đình ông là 4900m² trên đất có cây bạch đàn và cây vải thiều. Trước khi cưỡng chế ông cũng đã được thông báo và được nhận Quyết định cưỡng chế do ông Nguyễn Hữu V trưởng thôn Ba G giao trực tiếp cho ông vào ngày 05/12/2018. Ông xác định đối với diện tích đất giao cho gia đình ông chỉ có ông và vợ ông có công sức đóng góp, còn các con của ông không có công sức đóng góp gì. Do vậy, ông đề nghị Tòa án không đưa các con của ông vào tham gia tố tụng.

Nay ông đề nghị Tòa án:

1. Tuyên hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho gia đình ông.

2. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Lục N chỉ đạo các cơ quan liên quan tôn trọng và cho tiếp tục thực hiện hợp đồng vẫn còn thời hạn của gia đình ông với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N và phần đất khai hoang của gia đình ông. Nếu muốn thu hồi thì phải bồi thường cho gia đình ông theo phương án thỏa thuận ít nhất bằng phương án lần đầu đưa ra là 5,7 tỷ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Thân Văn L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần bồi thường. Nay ông chỉ yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho gia đình ông còn phần dân sự ông không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang do ông Giáp Văn Ổ - Phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày quan điểm:*

Dự án hạ tầng Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ giai đoạn 3 có quy mô đầu tư nâng cấp 4 tuyến đường (Tuyến số 01, 02, 03, 04). Do kế hoạch vốn đầu tư công có sự cắt giảm theo chủ trương chung của Chính phủ nên UBND huyện Lục N đã thống nhất triển khai giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng tuyến số 04, tuyến đường đi vòng quanh đền Trần. Tuyến số 4 thu hồi 6,9ha đất liên quan đến 23 hộ gia đình cá nhân; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục N và Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ quản lý, gồm 02 loại đất. Loại thứ nhất có diện tích 4,1ha đất rừng đặc dụng (có nguồn gốc đất rừng sản xuất của Công ty lâm nghiệp Lục N, năm 2014 UBND tỉnh chuyển mục đích sang đất rừng đặc dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N) tài sản trên đất gồm có keo, bạch đàn là của 14 hộ dân liên doanh liên kết nhận khoán thầu với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N cho đến thời kỳ thu hoạch. Loại thứ 2 có diện tích 2,8ha đất hiện trạng trồng cây ăn quả (vải thiều, nhãn, xoài, cam...) nguồn gốc đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N giao cho các hộ gia đình, cá nhân khoán thầu đất rừng để trồng trọt, chăn nuôi, dựng lán trại trông coi (làm kinh tế rừng, lấy ngắn nuôi dài và không thu sản phẩm khoán thầu), thời hạn Công ty lâm nghiệp giao cho là từ 20 đến 30 năm và hiện tại cũng được UBND tỉnh chuyển mục đích thành rừng đặc dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ. Nhưng các hộ gia đình tự kê khai là đất của các hộ gia đình, cá nhân khai hoang, sử dụng ổn định từ trước khi Lâm trường quốc doanh Lục N quản lý nên không đồng thuận với phương án bồi thường hỗ trợ do UBND huyện Lục N phê duyệt và UBND huyện Lục N phải áp dụng biện pháp cưỡng chế để thực hiện dự án.

Đối với hộ ông Thân Văn L, theo tờ tự kê khai và biên bản kiểm kê, biên bản xác minh nguồn gốc đất và hồ sơ giấy tờ liên quan xác định đang quản lý sử

dụng các thửa đất: Thửa số 1 tờ bản đồ số 6 diện tích cả thửa là 17.935,2m² diện tích thu hồi thực hiện dự án là 4942,7m²; diện tích còn lại là 12.992,2m².

Thửa đất trên được UBND xã Nghĩa Ph và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N xác định là đất của Lâm trường giao khoán cho hộ ông Thân Văn L. Hiện nay đã chuyển mục đích sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý khu du lịch sinh thái Suối mỡ.

Hợp đồng theo Nghị định số 01: Hợp đồng A07 ký ngày 03/3/1993 do Giám đốc Phan Anh L1 ký hợp đồng thời hạn đến năm 2023. Tổng diện tích giao khoán là 10ha. Đối chiếu với diện tích thu hồi dự án thửa số 01 tờ bản đồ số 6 diện tích cả thửa là 17.935,2m² diện tích thu hồi thực hiện dự án là 1968,8m² thuộc khoảnh 43, bản đồ quản lý rừng lâm trường, thuộc diện tích giao làm vườn quả (lấy ngắn nuôi dài không thu sản phẩm, thời hạn giao đến năm 2044) Thửa số 3, tờ 6 diện tích cả thửa là 7855,9 m² diện tích thu hồi thực hiện dự án là 4942,7m² thuộc diện tích giao khoán 1,7 ha tại khoảnh 43.

Hợp đồng theo Nghị định số 135: Hợp đồng số 106B ký ngày 20/01/2009 do Giám đốc Bùi Thị Y ký. Hợp đồng mang tên Trần thị Th thửa số 01, tờ 6 thuộc lô b2 khoảnh 43, chu kỳ kinh doanh và chu kỳ khai thác đến tháng 12/2017.

Như vậy thửa số 01, tờ 6 của hộ ông L là đất của Lâm trường giao khoán cho hộ gia đình, tại thời điểm nhà nước thông báo thu hồi đất vẫn còn hạn hợp đồng.

UBND huyện Lục N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, ban hành quyết định thu hồi đất đối với thửa đất nêu trên tại các Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 và Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 16/10/2017. Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ là 196.039.780 đồng, còn đất được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện xác định là đất của Lâm trường Lục N (đất nhà nước giao để quản lý) nên thu hồi không bồi thường và đối tượng thu hồi đất ở đây là chủ sử dụng được nhà nước giao đất Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N và Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục N. Tuy nhiên hộ ông L không đồng ý với phương án bồi thường, không nhận tiền bồi thường. UBND huyện Lục N đã phải áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi đất theo quy định.

Nay ông L khởi kiện đề nghị Tòa án Tuyên hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho gia đình ông L. Đối với yêu cầu trên ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông L vì Quyết định số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục.

Đối với yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Lục N chỉ đạo các cơ quan liên quan tôn trọng và cho tiếp tục cho thực hiện hợp đồng vẫn còn thời hạn của gia đình ông với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N và phần đất khai hoang của gia đình ông. Nếu muốn thu hồi thì phải bồi thường cho gia đình ông theo phương án

thỏa thuận ít nhất bằng phương án lần đầu đưa ra là 5,7 tỷ đồng. Thứ nhất trường hợp giữa ông L và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N vẫn còn hiệu lực thì vẫn tiếp tục đến khi hết hợp đồng thì làm thủ tục thanh lý và bàn giao, việc này UBND huyện Lục N đã công khai trả lời rõ ông Thạch và các hộ gia đình, cá nhân khác; trường hợp các lô, khoảnh hết thời hạn hợp đồng thì phải thu hoạch sản phẩm và bàn giao đất cho nhà nước ngay. Việc ông L đề nghị tính bồi thường là đất khai hoang như kê khai ban đầu là không đúng, loại đất trên là đất của Lâm trường, có nguồn gốc và hồ sơ quản lý rõ ràng, do vậy không được bồi thường về đất mà chỉ xem xét tính bồi thường chi phí còn lại vào đất nếu thời hạn hợp đồng còn hiệu lực.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N do ông Nguyễn Văn K - Giám đốc đại diện theo pháp luật trình bày:*

Năm 1993 Lâm trường có giao khoán cho gia đình ông Thân Văn L diện tích 10ha theo Hợp đồng số A07 ký ngày 02/3/1993 thời hạn đến năm 2023. Đến năm 2009 ký lại hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 135 của Chính phủ (Hợp đồng số 106b ngày 20/01/2009). Chu kỳ kinh doanh và chu kỳ khai thác đến tháng 12/2017.

Theo hồ sơ giao khoán, tại thời điểm nhà nước thông báo đến khi có dự án thu hồi thì với thửa đất số 01, tờ 6 của hộ ông Thân Văn L là đất của Công ty giao khoán cho chủ hộ vẫn còn hạn hợp đồng.

Đối với diện tích đất hộ ông Thân Văn L cho rằng gia đình tự khai hoang theo hồ sơ quản L của công ty từ tháng 10/1970 đến nay vẫn nằm trong tiểu khu 99A do trước đây Lâm trường, sau này là Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N quản lý. Đối với diện tích đất hộ gia đình ông Thân Văn L đang còn hợp đồng với công ty đề nghị UBND huyện Lục N cho tiếp tục đến khi hết hợp đồng công ty sẽ thanh lý hợp đồng và bàn giao.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trình bày:*

Bà là vợ của ông Thân Văn L. Gia đình bà có ông L là chủ hộ, gia đình bà có ba con là Thân Văn D, Thân Văn H và Thân Thị H1. Cả ba con bà hiện nay đã xây dựng gia đình riêng và chuyển khẩu đi nơi khác. Đến nay chỉ còn bà và ông Thân Văn L trong hộ khẩu gia đình.

Đối với phần ông Thân Văn L đã trình bày tại Tòa án, bà hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì bổ sung thêm. Năm 1993 gia đình bà có ký hợp đồng nhận giao khoán rừng diện tích là 13ha với Lâm trường Lục N. Trước thời điểm nhận giao rừng gia đình bà có tự khai hoang được diện tích rừng khoảng 1ha. Sau khi nhận giao đất gia đình bà đã trồng toàn bộ cây keo và bạch đàn trên diện tích đất được giao. Bà nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn L, đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho gia đình bà. Về vấn đề bồi thường trước đây ông L có yêu cầu nhưng sau đó đã

rút yêu cầu này bà cũng nhất trí không có ý kiến gì. Bà ủy quyền cho chồng bà thay mặt bà tham gia tố tụng tại Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Ph, huyện Lục N do ông Đinh Văn Kh - Chủ tịch trình bày:*

- UBND huyện Lục N đã ban Thông báo thu hồi đất (*Thông báo số 11/TB-UBND ngày 10/02/2017*); Kế hoạch thu hồi đất (*Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/02/2017*); Quyết định thành lập tổ công tác tuyên truyền và kiểm kê hiện trạng sử dụng đất (*Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 10/02/2017*); thành lập Hội đồng BTGPMB (*Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 13/9/2017*).

- Tổ chức niêm yết công khai thông báo thu hồi đất (*niêm yết công khai ngày 14/02/2017 tại Nhà Văn hóa thôn Ba G và trụ sở UBND xã Nghĩa Ph*).

- Họp triển khai thông báo thu hồi đất, kế hoạch thu hồi đất, phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất (*Họp tại Nhà Văn hóa thôn Ba G ngày 20/02/2017*) và gửi thông báo thu hồi đất tới từng hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Thân Văn L (*có danh sách ký nhận kèm theo biên bản hội nghị họp triển khai*).

- Tổ chức thông báo đến hộ gia đình, cá nhân tự kê khai; tổ công tác tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình 100% các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức liên quan đều phối hợp với tổ công tác GPMB kiểm kê, đo đếm theo quy định (*Thông báo số 12/TB-UBND ngày 24/02/2017, hộ ông Thạch tự kê khai và kiểm kê ngày 28/02/2017*).

- UBND xã Nghĩa Ph xác minh nguồn gốc đất, tất cả diện tích trên đều là đất nhà nước quản lý, hiện tại tổ chức được giao là Ban quản lý dự án các khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (*Biên bản xác minh ngày 03/10/2017*).

- Lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa thôn Ba G và trụ sở UBND xã Nghĩa Ph (*công khai phương án đợt 1 ngày 18/4/2017; đợt 2 công khai ngày 25/7/2018*).

- Tổ chức Hội nghị lấy ý kiến nhân dân vào phương án bồi thường, hỗ trợ (*đợt 1 ngày 28/7/2017; đợt 2 lấy ý kiến vào ngày 16/7/2018*).

Sau đó tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch UBND huyện với người có đất thu hồi để trả lời rõ các ý kiến của người dân (*ngày 24/8/2018*).

- Kết thúc niêm yết công khai (*kết thúc công khai vào ngày 6/7/2018*) tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn, tiếp thu các kiến nghị đúng, hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng GPMB huyện thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*thẩm định ngày 07/9/2018*), để làm căn cứ trình UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Công khai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*Thông báo công khai số 65/TB-UBND ngày 14/09/2018*) và bàn giao quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án cho người có đất thu hồi (*Biên bản bàn giao ngày 14/9/2018*).

- Tiến hành thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải ngân kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã phê duyệt.

- Trường hợp hộ gia đình không nhận tiền, UBND huyện đã tổ chức tuyên truyền vận động (*hộ ông L vận động lần 1 ngày 11/10/2018; lần 2 ngày 12/10/2018; lần 3 ngày 15/10/2018*). Sau đó gửi toàn bộ số tiền vào Kho bạc nhà nước Lục N, thông báo đến hộ gia đình, cá nhân được biết (*Thông báo gửi tiền số 76/TB-UBND ngày 19/10/2018 và biên bản bàn giao ngày 20/10/2018*).

Hết thời gian 10 kể từ ngày thông báo gửi tiền coi như việc thanh toán tiền bồi thường đã thực hiện xong. Hết thời gian hộ gia đình phải tự giác tháo dỡ tài sản cây cối để bàn giao mặt bằng cho Nhà nước nhưng hộ gia đình không thực hiện.

Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất (*Quyết định số 6779/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản để thu hồi đất do công ty lâm Nghiệp Lục N giao khoán cho hộ ông Thân Văn L, thôn Ba G, xã Nghĩa Ph, huyện Lục N*) và tổ chức niêm yết công khai quyết định (*Biên bản niêm yết ngày 29/11/2018*) và bàn giao Quyết định cưỡng chế (*bàn giao ngày 29/11/2018*); thành lập Ban cưỡng chế. Ban cưỡng chế tiếp tục tiến hành đối thoại, tuyên truyền vận động hộ ông L, tuy nhiên không nhận được sự đồng thuận của hộ gia đình ông L.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản để thu hồi đất do Công ty lâm Nghiệp Lục N giao khoán cho hộ ông Thân Văn L là đúng trình tự, thủ tục.

- *Về yêu cầu khởi kiện đề nghị cho tiếp tục thực hiện hợp đồng vẫn còn thời hạn:*

Trường hợp nếu hợp đồng giữa ông L và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N còn hiệu lực thì vẫn tiếp tục đến khi hết hợp đồng thì làm thủ tục thanh lý và bàn giao, việc này UBND huyện Lục N đã công khai trả lời rõ ông L tại Công văn số 1466/UBND-TTPTQĐ&CCN ngày 05/12/2018 và các hộ gia đình, cá nhân khác; trường hợp các lô, khoảnh hết thời hạn hợp đồng thì phải thu hoạch sản phẩm và bàn giao đất cho Nhà nước ngay.

- *Đối với ý kiến của người khởi kiện về diện tích đất của gia đình ông L là đất khai hoang thấy:*

Theo các hồ sơ, tài liệu thu thập được cho thấy, đất đai của các hộ đang sử dụng với hiện trạng đất trồng cây ăn quả mà các hộ cho rằng là đất khai hoang đều có nguồn gốc được nhà nước giao Lâm trường Lục N quản lý sử dụng từ năm 1970 để thực hiện nhiệm vụ trồng rừng và phát triển rừng. Qua đối chiếu về vị trí, danh giới các lô rừng mà các hộ đã nhận liên doanh với Lâm trường qua các thời

kỳ cho thấy toàn bộ diện tích đất mà các hộ nhận liên doanh và diện tích đất có hiện trạng trồng cây ăn quả đều nằm trong Tiểu khu 99A do Lâm trường quản lý (*trừ phần diện tích đập*); trong quá trình quản lý, sử dụng Lâm trường đã chia Tiểu khu 99A thành nhiều lô, khoảnh nhỏ để tiện quản lý, giao khoán, trong đó các lô, khoảnh đều được kẻ vẽ thành đường khép kín có diện tích rõ ràng, trong đó một số hộ diện tích đất có hiện trạng trồng cây ăn quả được giao khoán cho các hộ dưới dạng đất vườn, rừng giao khoán không thu sản phẩm, mục đích cho các hộ gia đình, cá nhân làm kinh tế lấy ngắn nuôi dài (*thể hiện rõ trong hợp đồng ký theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước*).

Như vậy, có thể khẳng định ý kiến của ông L đề nghị tính bồi thường là đất khai hoang như kê khai ban đầu là không đúng, loại đất trên là đất của Lâm trường, có nguồn gốc và hồ sơ quản lý rõ ràng, do vậy không được bồi thường về đất mà chỉ xem xét tính bồi thường chi phí còn lại vào đất nếu thời hạn hợp đồng còn hiệu lực.

Đối với ý kiến cho rằng phải tính bằng phương án ban đầu đưa ra 5,7 tỷ đồng xin được làm rõ. Như đã nói ở trên dự án tuyến số 4, thu hồi tổng 6,9ha đất trong đó 4,1ha có hiện trạng đất rừng sản xuất 2,8ha có hiện trạng đất trồng cây lâu năm. Ban đầu người dân kê khai diện tích 2,8ha hiện trạng là đất cây lâu năm có nguồn gốc khai hoang sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, do tiến độ của dự án gấp nên cán bộ chuyên môn của Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện đã không đối chiếu, xác minh với Công ty Lâm nghiệp đã lập phương án dự kiến áp giá là đất khai hoang nên phương án dự kiến ban đầu khoảng 5,7 tỷ đồng. Tuy nhiên trong quá trình công khai phương án dự kiến, tổ công tác đã rà soát xác định lại thì diện tích trên không phải là đất khai hoang mà là đất do Lâm trường quản lý do vậy đã điều chỉnh lập phương án về đúng nguồn gốc đất. UBND xã Nghĩa Ph đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác tất cả các nội dung khởi kiện của ông Thân Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 25/12/2019 đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho hộ ông Thân Văn L, thôn Ba G, xã Nghĩa Ph, huyện Lục N.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Thân Văn L về việc yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Lục N chỉ đạo các cơ quan liên quan tôn trọng và cho tiếp tục thực hiện hợp đồng vẫn còn thời hạn của gia đình ông với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N và yêu cầu bồi thường số tiền là 5,7 tỷ đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tuyên hủy Quyết định hành chính số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N đã giao khoán cho gia đình ông Thân Văn L.

Người bị kiện: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh nguồn gốc thửa đất 01; cần xác minh hiện trạng thửa đất và thẩm định thực tế. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Thân Văn L là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Thân Văn L và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[3.1] Đối với Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện Lục N về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang (đợt 1). Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án,

có đủ cơ sở khẳng định: Về hình thức, thẩm quyền ban hành quyết định, và trình tự thủ tục ban hành Quyết định 11916/QĐ-UBND theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Người khởi kiện cho rằng trong diện tích đất thu hồi của UBND huyện Lục N thì có phần diện tích đất gia đình ông khai hoang nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Các tài liệu thể hiện, tứ cận giáp ranh thửa đất hộ ông Thân Văn L đang khởi kiện đều là diện tích đất của các hộ dân khác cũng đều nhận khoán với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N. Theo sơ đồ của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N diện tích đất này là do Công ty Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N quản lý. Do vậy, ông L cho rằng mình khai hoang đất là không có căn cứ và cơ sở. Như vậy, Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện Lục N về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu du lịch Suối Mỡ là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 1916/QĐ-UBND của ông L là hoàn toàn có cơ sở.

[3.2] Đối với Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện Lục N về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (đợt 1)

- Về hình thức: Quyết định này được ban hành đúng mẫu quy định tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND huyện Lục N là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất nên UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 1917/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (đợt 1) là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

- Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1917/QĐ-UBND: Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1917/QĐ-UBND là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

- Về căn cứ, nội dung ban hành Quyết định số 1917/QĐ-UBND: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất mà Ông Thân Văn L đang khởi kiện là của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N ký hợp đồng giao khoán với hộ ông L. Diện tích đất này nằm trong một phần diện tích đất mà nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N. Do vậy, UBND huyện Lục N ban hành quyết định bồi thường về đất cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N là đúng quy định. Do vậy, ông L cho rằng phải bồi thường diện tích đất cho ông là không có căn cứ. UBND huyện Lục N bồi thường chi phí tôn tạo đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định 869/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang. Đối với tài sản trên đất, UBND huyện Lục N bồi thường cho hộ gia đình ông L là đúng quy định tại Điều 15 Quyết định 869/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang và Điều 90 Luật đất đai.

Như vậy, UBND huyện Lục N ban hành Quyết định 1917/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Lục N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, tuyến số 04, bổ sung (lần 1, đợt 1) các khoản bồi thường hỗ trợ đối với các hộ gia đình nhận khoán đất lâm nghiệp: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Lục N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, tuyến số 04, bổ sung (lần 1, đợt 1) các khoản bồi thường hỗ trợ đối với các hộ gia đình nhận khoán đất lâm nghiệp là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Đối với Quyết định số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N giao khoán đối với ông Thân Văn L (gọi tắt là Quyết định số 6777):

- Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND huyện Lục N ban hành Quyết định cưỡng chế số 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật đất đai 2013.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6777/QĐ-UBND: Đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 73 Luật đất đai 2013. Quyết định sau khi ban hành đã được giao cho ông Thân Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Quyết định 6777/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện Lục N về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản, cây cối để thu hồi đất do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục N giao khoán đối với ông Thân Văn L là đúng hình thức, đúng nội dung, đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu, thời hạn theo quy định của luật đất đai nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn L hủy quyết định này.

Do đó, việc Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, Hội đồng xét xử thấy quyền lợi của ông Thân Văn L được đảm bảo, do đó cần bác kháng cáo của ông L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Thân Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/216/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Thân Văn L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa

án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Ông Thân Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000546 ngày 08/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP-VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

